

Số: **681/2020/QĐST - HNGĐ**

Đông Đa, ngày 12 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 36, 39, 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 940/2020/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Chị Nông Thị Thu H**, sinh năm 1993; HKTT: thôn Trà Hối, xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; Tạm trú:, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

- **Anh Bùi Ngọc D**, sinh năm 1992; Hộ khẩu thường trú: thôn Trà Hối, xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị Thu H và anh Bùi Ngọc D kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn ngày 18/4/2016 tại UBND xã, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống.

Nay chị H và anh D cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn của anh chị.

[2] Về con chung: Chị H và anh D có 01 con chung là cháu: Bùi Ngọc Hải Đ, sinh ngày 12/11/2016. Ly hôn chị H và anh D thỏa thuận để chị H trực tiếp nuôi con chung, anh D cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000đồng/ tháng.

[3] Về tài sản chung: Chị H và anh D không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ: Chị H và anh D không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ. Ly hôn tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị H và anh D đã thống nhất để chị H chịu cả 300.000 đồng - lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Xét thấy: Các thỏa thuận trên của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nông Thị Thu H và anh Bùi Ngọc D;

- **Về con chung:** Xác nhận chị H và anh D có 01 con chung là cháu: Bùi Ngọc Hải Đ, sinh ngày 12/11/2016. Giao cháu Đ cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh D cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng. Việc cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 11 năm 2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Anh D có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Chị H và anh D không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- **Về nợ:** Chị H và anh D không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của chị H và anh D để chị H chịu cả tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị H đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015073 ngày 02/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa. Chị H đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND quận Đống Đa;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Tú